

Số: 2163 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 26 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Lâm nghiệp, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 93/TTr-SNN ngày 11/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận (*Danh mục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Sở TT&TT (p/h cập nhật các phần mềm);
- Sở Nội vụ (phòng CCHC);
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC.Huy

CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÌNH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 2163 /QĐ-UBND ngày 26 / 8 /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (27 TTHC)

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Mức độ DVC	Thực hiện qua dịch vụ BCCI				
1. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (05 TTHC)									
1	1.004493	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	07 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	600.000 đồng/lần	- Luật số 41/2013/QH13; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/06/2015 của Bộ NN&PTNT; - Thông tư số 33/2021/TT - BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.	TTHC sửa đổi, bổ sung phí/lệ phí.
2	1.004509	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Không	- Luật số 41/2013/QH13; - Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/06/2015 của Bộ NN&PTNT; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ	TTHC sửa đổi, bổ sung phí/lệ phí.

								Tài chính.	
3	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	01 ngày	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Không có	- Luật số 41/2013/QH13; - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ NN&PTNT; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phí.</i>
4	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	18 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	800.000 đồng/lần	- Luật số 41/2013/QH13; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/06/2015 của Bộ NN&PTNT; - Thông tư số 33/2021/TT - BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phí.</i>
5	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	18 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	800.000 đồng/lần	- Luật số 41/2013/QH13; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/06/2015 của Bộ NN&PTNT; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phí.</i>
2. Lĩnh vực Thú y (16 TTHC)									
1	1.005327	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an	18 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm	- Phí Thẩm định cơ sở	- Luật số 79/2015/QH13; - Thông tư số 14/2016/TT-	<i>TTHC sửa</i>

		toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)			Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần (theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020). - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	<i>đối, bổ sung phí/lệ phí.</i>
--	--	---	--	--	---	--	--	---------------------------------

2	2.002132	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (Cấp Tỉnh)	<p>- 13 ngày làm việc: trường hợp cấp mới (đổi với hết hạn).</p> <p>- 04 ngày làm việc: trường hợp cấp lại (đổi với bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY).</p>	3	Có	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.</p> <p>- Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p>	<p>* Cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận ĐKVSTY do giấy chứng nhận cũ hết hiệu lực:</p> <p>- Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống; sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ</p>	<p>- Luật số 79/2015/QH13.</p> <p>- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ NN&PTNT.</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.</p>	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>
---	----------	---	--	---	----	--	---	--	---

						<p>sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần</p> <p>- Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần</p> <p>* Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất,</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--

							bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận: Không thu phí		
3	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	02 ngày làm việc	4	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	- Luật số 79/2015/QH13. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phí/lệ phí</i>
4	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	10 ngày làm việc	4	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Phí Thẩm định nội dung thông tin quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ trong thú y: 900.000 đồng/lần	- Luật số 79/2015/QH13 ngày. - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phí/lệ phí</i>
5	1.003810	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	- 07 ngày làm việc đối với	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết:	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở	- Luật số 79/2015/QH13. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung</i>

		trên cạn	trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng. - 17 ngày làm việc đối với trường hợp còn lại			Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần (theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020). - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	<i>phi/lệ phi</i>
6	1.003781	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh	20 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ	- Luật số 79/2015/QH13. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016	<i>TTHC sửa đổi,</i>

		động vật trên cạn (Cấp Tỉnh)				<p>- Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần (theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020).</p> <p>- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p>	<p>của Bộ NN&PTNT.</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<i>bổ sung phí/ lệ phí</i>
--	--	------------------------------	--	--	--	--	--	----------------------------

7	1.003619	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	15 ngày làm việc	2	Có	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần (theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020). - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/ 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 79/2015/QH13. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<i>TTTC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>
---	----------	---	------------------	---	----	---	---	--	---

							TT-BTC ngày 14/11/2016.		
8	1.003612	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- 07 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng. - 17 ngày làm việc đối với trường hợp còn lại	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	- Phi Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần (theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020). - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư	- Luật số 79/2015/QH13. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>

							số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.		
9	1.003589	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	18 ngày làm việc	2	Có	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phi Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần (theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020). - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 79/2015/QH13. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<i>TTTC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>

							hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.		
10	1.003577	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	18 ngày làm việc	2	Có	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần (theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020). - Chi phí khác: Biểu 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN và PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>

							khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 .		
11	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- 04 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới. - 02 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn.	4	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	- Luật số 79/2015/QH13. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phí/lệ phí</i>
12	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- 01 ngày: đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận	2	Có	- Cơ quan tiếp nhận và giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y (theo Thông tư số 101/2020/TT-	- Luật số 79/2015/QH13. - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ NN&PTNT.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phí/lệ phí</i>

			<p>an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTN</p> <p>T, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y.</p> <p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom,</p>			<p>BTC ngày 23/11/2020).</p> <p>- Các chỉ tiêu kiểm tra:</p> <p>Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</p>	<p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	
--	--	--	--	--	--	---	---	--

			kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

			<p>động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng; + 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch + 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch.</p>						
13	1.002239	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết	13 ngày làm việc	2	Có	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p>	<p>Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở</p>	<p>- Luật số 79/2015/QH13. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-</p>	<i>TTTC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>

		hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận					an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000đ/lần (theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020). - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
14	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- 04 ngày đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại Khoản 1 Điều 53	2	Có	- Cơ quan tiếp nhận và giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y (theo Thông tư số 101/2020/TT-	- Luật số 79/2015/QH13. - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-	<i>TTTC sửa đổi, bổ sung phí/lệ phí</i>

			Luật Thú y. + 01 ngày đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh.				BTC ngày 23/11/2020). - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
15	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	07 ngày làm việc	4	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000đ/lần	- Luật số 79/2015/QH13. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018. - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>
16	1.001094	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản	04 ngày làm việc	2	Có	- Cơ quan tiếp nhận và giải quyết: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y (theo Thông tư số	- Luật số 79/2015/QH13. - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>

		phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm					101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020). - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
3. Lĩnh vực Chăn nuôi (04 TTHC)									
1	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	- 25 ngày làm việc: đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc. - 10 ngày làm việc: đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: + Chi cục Chăn nuôi và Thú y. + Sở NN&PTNT.	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám	- Luật số 32/2018/QH14. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>

			mai, theo đặt hàng.				sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần		
2	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	05 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: + Chi cục Chăn nuôi và Thú y; + Sở NN&PTNT	Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật số 32/2018/QH14; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>
3	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	25 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: + Chi cục Chăn nuôi và Thú y; + Sở NN&PTNT	- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì	- Luật số 32/2018/QH14; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>

							điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.		
4	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	05 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: + Chi cục Chăn nuôi và Thú y; + Sở NN&PTNT.	- Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật số 32/2018/QH14; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>

4. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (02 TTHC)

1	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	01 ngày làm việc	2	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản.	Không có	- Thông tư số 33/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/10/2015 của Bộ NN&PTNT; - Thông tư số 286/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính.	<i>TTHC sửa đổi, bổ sung phi/lệ phi</i>
2	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu	Ngay sau khi thực	2	Có	- Cơ quan tiếp nhận và giải quyết: Chi cục Quản lý chất lượng	Không có	- Thông tư số 33/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/10/2015 của Bộ NN&PTNT;	<i>TTHC sửa đổi, bổ</i>

		kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyển thể hai mảnh vỏ	hiện kiểm soát tại hiện trường			nông lâm sản và Thủy sản.		- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính.	<i>sung phi/lệ phi</i>
--	--	--	--------------------------------	--	--	---------------------------	--	---	--------------------------------